

TAG QUESTIONS

S + V + O , [] + ĐẠI TỪ ?

Trong đó :

Đại từ : Lấy chủ từ câu đầu đổi thành đại từ

*Đàn ông ---> he**Đàn bà ----> she**Vật (số ít) --- -> it**There --- -> there**This --- -> it**That --- -> it**These --- -> they**Those --- -> they**Số nhiều ----> they*Các đại từ như : *they, he, she ...* thì giữ nguyên[] : nhìn ở câu đầu nếu có động từ đặc biệt thì chuyển thành [] nếu không có thì mượn trợ động từ *do, does, did*Những động từ đặc biệt có thể chuyển ra vị trí [] mà không cần phải mượn trợ động từ là: - *is, am, are, was, were, - wil, would, - can, could, - may, might, - should, - had (better)*- *have, has, had (+ p.p)* - lưu ý nếu phía sau không có p.p (cột 3) thì không được xem là động từ đặc biệt- Nếu câu đầu có *NOT*, hoặc các yếu tố phủ định như : *never, rarely, no, hardly*, thì [] không có *NOT*, nếu câu đầu không có *NOT* thì [] có *NOT*

NHỮNG DẠNG ĐẶC BIỆT :

I am -----> Aren't I ? (nhưng nếu là : *I am not ...* thì lại dùng : *am I ?*)*Let's-----> Shall we ?**Nobody, no one, everyone, everybody, Someone, somebody ...----> [] they ?**One -----> [] you/one*- Câu mệnh lệnh (không có chủ từ) -----> *Will you ?*EX : -Lan can go, can't she ? (động từ đặt biệt đem *can* ra sau)-Tom likes it, doesn't he ? (không có động từ đặt biệt nên mượn trợ động từ *does*)-The dogs won't run, will they ?(câu đầu có not nên câu sau không có *not*)

-Go out with me, will you ? (câu mệnh lệnh)

-Don't take it, will you ? (mệnh lệnh, dù có not hay không cũng dùng *will you*)-*I am a student, aren't I ?*1).Câu đầu là I WISH: - Dùng *MAY*EX: -*I wish* to study English, *may I ?*2).Chủ từ là ONE: Dùng *you* hoặc *one*EX: *One* can be one's master, can't *you/one*?

3).Câu đầu có MUST: **Must** có nhiều cách dùng cho nên tùy theo cách dùng mà sẽ có câu hỏi đuôi khác nhau

- **Must** chỉ sự cần thiết: => dùng **needn't**

EX: They must study hard, needn't they?

- **Must** chỉ sự cảm đoán: => dùng **must**

EX: You mustn't come late, must you?

- **Must** chỉ sự dự đoán ở hiện tại: => dựa vào động từ theo sau **must**

EX: He must be a very intelligent student, isn't he? (anh ta ắt hẳn là 1 học sinh rất thông minh, phải không?)

- **Must** chỉ sự dự đoán ở quá khứ (trong công thức **must + have + p.p**): => dùng [] là **have/has**

EX: You must have stolen my bike, haven't you? (bạn chắc hẳn là đã lấy cắp xe của tôi, phải không?)

4).Let đầu câu: **Let** đầu câu có nhiều dạng cần phân biệt:

- **Let** trong câu rủ (**let's**): dùng **shall we**? Ví dụ: Let's go out, shall we?

- **Let** trong câu xin phép (**let us /let me**): dùng **will you**?

EX: Let us use the telephone, will you?

Let me have some drink, will you?

- **Let** trong câu đề nghị giúp người khác (**let me**): dùng **may I**?

EX: Let me help you do it, may I?

5).Câu cảm thán: Lấy danh từ trong câu đổi thành đại từ, [] dùng **is, am, are**.

EX: What a beautiful dress, isn't it?

What a stupid boy, isn't he?

How intelligent you are, aren't you?

6).Câu đầu có I + các động từ sau: think, believe, suppose, figure, assume, fancy, imagine, reckon, expect, seem, feel + mệnh đề phụ: Lấy mệnh đề phụ làm câu hỏi đuôi.

EX: I think he will come here, won't he?

I don't believe Mary can do it, can she? (lưu ý MĐ chính có **not** thì vẫn tính như ở MĐ phụ)

Cùng mẫu này nhưng nếu chủ từ không phải là **I** thì lại dùng mệnh đề đầu làm câu hỏi đuôi.

EX: She thinks he will come, doesn't she?

7).Câu đầu có It seems that + mệnh đề - Lấy mệnh đề làm câu hỏi đuôi.

Ví dụ: It seems that you are right, aren't you?

8).Chủ từ là mệnh đề danh từ: -Dùng **it**. EX: What you have said is wrong, isn't it?

Why he killed himself seems a secret, doesn't it?

Khi động từ trong câu trần thuật ở thể khẳng định, ta dùng những trợ động từ như: **do, does** hay **did** trong câu hỏi đuôi. Còn trong câu trần thuật phủ định, trong câu hỏi đuôi sẽ xuất hiện những hình thức sau của trợ động từ: **don't, doesn't, didn't**. Xem các ví dụ sau đây:

- You play tennis on Thursday usually, don't you? (Bạn thường chơi tennis vào thứ năm có phải không?)

- You didn't play last Thursday, did you? (Bạn không chơi hôm thứ năm tuần trước đúng không?)

Nếu chủ ngữ của câu trần thuật là những đại từ bất định như: **someone, no one, nobody, something, nothing ...**, thì trong câu hỏi đuôi chúng ta dùng đại từ **IT** để thay thế cho **something** hay **nothing** và dùng đại từ **THEY** để thay thế cho **someone, nobody**. Xem các ví dụ sau đây:

- Something happened at Jack's house, didn't it? (Có điều gì đó đã xảy ra trong nhà của Jack đúng không?)

- No one phoned, did they? (Không ai gọi điện à?)

***Một vài trường hợp đặc biệt:**

EX	NOTE
<i>I am right, aren't I?</i>	dùng <i>aren't I</i> (chứ không phải là <i>amn't I</i>), nhưng nếu phần trần thuật là <i>I am not</i> , thì phần đuôi phải dùng <i>am I</i>
<i>You have to go, don't you?</i>	Trợ động từ của hiện tại đơn là “do”
<i>I have been answering, haven't I?</i>	Dùng <i>have</i> làm trợ động từ chứ không dùng <i>been</i> .
<i>Nothing came in the post, did it?</i>	Với những câu trần thuật có <i>nothing, nobody</i> thì được xem như là phủ định (vì những từ đó mang ý nghĩa phủ định)
<i>Let's go, shall we?</i>	Khi dùng <i>let</i> với ý nghĩa rủ rê, thì phần đuôi sẽ là “ <i>shall we</i> ”
<i>Let me eat this cake, will you ?</i>	Khi dùng <i>let</i> để xin phép, thì phần đuôi sẽ là “ <i>will you</i> ”
<i>Let me help you, may I?</i>	Khi dùng <i>let</i> để đề nghị giúp đỡ người khác, thì phần đuôi sẽ là “ <i>may I</i> ”.
<i>He'd better do it, hadn't he?</i>	<i>'d better = had better</i> , khi thấy <i>had better</i> chỉ cần dùng trợ động từ <i>had</i> để viết câu hỏi đuôi.
<i>You'd rather go, would you?</i>	<i>'d rather = would rather</i> , khi thấy <i>would rather</i> chỉ cần dùng trợ động từ <i>would</i> để viết câu hỏi đuôi.
<i>What a big tree, isn't it?</i>	Phần câu hỏi đuôi dùng <i>am/is/are + đại từ trong câu cảm thán</i>

*** Lưu ý thêm !**

I/ Động từ đặc biệt:

Ex: 1/ You are lucky this time, ***aren't you?***

2/ I'm right to say that, ***am I not/ aren't I?***

3/ I'm not right to say that, ***am I?***

4/ Girls may go out at night, ***may they not?***("***May not***" không rút gọn)

5/ She will marry an American, ***won't she?***

6/ I am your teacher, ***am I not?***

II/ Động từ thường:

Ex: 1/ They always go to bed at 10 p.m, ***don't they?***

2/ Your wife didn't sing that song when she was alive, ***did she?***

3/ He used to smoke ci'gars, ***didn't he?***

III/ Câu đặc biệt:

1.Câu có động từ khiếm khuyết - modal verbs:

Ex:

1/ You could have seen him, ***couldn't you?***

2/ I ought to have heard by now, ***oughtn't I?***

2.Chủ từ là một số Đại từ đặc biệt:

Ex:

1/ All can't speak at a time, ***can they?***

2/ Everyone cheered wildly, ***didn't he***(formal)/ ***didn't they***(informal)?

3.Câu có little, a little, few, a few:

Ex:

1/ Very little progress has been made, ***has it?***

2/ A little progress has been made, ***hasn't it?***

3/ Few people knew the answer, ***did they?***

4/ A few people knew the answer, ***didn't they?***

4.Trong câu có trạng từ nghĩa bán phủ định:

Ex:

1/ The child ***rarely*** cries, ***does he?***

2/ He could ***hardly*** feed a large family, ***could he?***

3/ She ***seldom*** sees him, ***does she?***

4/ We could ***scarcely*** hear what he said, ***could we?***

5.Trong câu có trạng từ phủ định hoặc từ phủ định:

Ex:

- 1/ He went *nowhere* else, *did he*?
- 2/ They did *nothing*, *did they*?
- 3/ You have *never* in the house, *is there*?

6. Câu mệnh lệnh: (Mệnh lệnh, dù có *not* hay không cũng dùng *will you*)

Ex:

- 1/ *Open* your books, *will you*?
- 2/ *Don't talk* in class, *will you*?
- 3/ *Let's* go to the cinema, *shall we*?
- 4/ *Let* me lend you a hand, *will you*?

*** Note: Cách đọc**

- **Xuống giọng** và hy vọng người nghe trả lời “yes”
- **Lên giọng** và người nghe có thể trả lời “yes or no”

***Exercise: Using “Tag – Questions”**

- 1/ You have heard about that, _____?
- 2/ Nam did the work well, _____?
- 3/ He didn't have to speak to me, _____?
- 4/ He won't fall down, _____?
- 5/ You wouldn't like the window open, _____?
- 6/ He used to beat his wife, _____?
- 7/ Come and see me tomorrow, _____?
- 8/ Don't shut the door, _____?
- 9/ Let's sing together, _____?
- 10/ I'd better go, _____?
- 11/ I am your teacher, _____?
- 12/ There's an examination tomorrow, _____?
- 13/ She's been studying English for 2 years, _____?
- 14/ You can't play tennis today, _____?
- 15/ Let me lend you a hand, _____?
- 16/ Everybody can learn how to swim, _____?
- 17/ He hardly feeds his family, _____?
- 18/ She could scarcely hear what he said, _____?
- 19/ She never works on Sundays, _____?
- 20/ They did nothing, _____?
- 21/ There is no one in the house, _____?

***EXERCISES: Using “Tag – Questions”**

- 1/ They want to come,.....?
- 2/ Elizabeth is a dentist, ?
- 3/ They won't be here,?
- 4/ That is your umbrella,?
- 5/ There aren't many people here yet, ?
- 6/ He has a bicycle,.....?
- 7/ Peter would like to come with us to the party,?
- 8/ Those aren't Fred's books,?
- 9/ You have never been to Paris,.....?
- 10/ Something is wrong with Jane today, ?
- 11/ Everyone can learn how to swim, ?
- 12/ Nobody cheated in the exam, ?
- 13/ Nothing went wrong while I was gone, ?
- 14/ I am invited,?
- 15/ This bridge is not very safe,.....?
- 16/ These sausages are delicious,?
- 17/ You haven't lived here long,?
- 18/ The weather forecast wasn't very good, ?
- 19/ He'd better come to see me, ?
- 20/ You need to stay longer,?

*****GOOD LUCK*****